

Số: **07** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **03** tháng **5** năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 1 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;*

*Xét các Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo số 32/BC-HĐND ngày 26
tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của một số nhiệm vụ, dự án (dự án chưa triển khai, do hủy dự toán, dư so với số vốn dự kiến ban đầu), với số vốn 989.471 triệu đồng. Cụ thể:

1.1. Tại phụ lục IV, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: điều chỉnh giảm kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 của một số dự án với tổng vốn 118.054 triệu đồng;

1.2. Tại phụ lục V, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: điều chỉnh giảm kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 của một số dự án với tổng vốn 668.375 triệu đồng;

1.3. Tại phụ lục IV, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với dự kiến bố trí chi phí giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1) với số vốn là 203.042 triệu đồng

2. Điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ một số nội dung, dự án từ nguồn còn lại chưa phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

2.1. Tổng nguồn chưa phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương là 1.227.490 triệu đồng gồm:

- Nguồn tăng thu sử dụng đất và nguồn tiết kiệm chi vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh năm 2021 để tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng: 178.019 triệu đồng (bổ sung tại Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Nguồn bán đấu giá tài sản từ các cơ sở nhà, đất do Bộ Công an bàn giao về cho địa phương quản lý (để dự kiến đầu tư dự án Đầu tư xây dựng trại tạm giam Công an tỉnh): 60.000 triệu đồng (bổ sung tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Nguồn từ điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của một số dự án: 989.471 triệu đồng (tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này)

2.2. Thực hiện phân bổ chi tiết nguồn vốn trên như sau:

a. Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và bố trí lại các dự án: 63.397 triệu đồng/18 dự án.

b. Bố trí vốn cho 02 dự án tăng tổng mức đầu tư: 269.106 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án Trụ Sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk: 4.660 triệu đồng (tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 40.660 triệu đồng);



(2) Dự án Hồ chứa nước Yên Ngựa: 264.446 triệu đồng (tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 432.000 triệu đồng). Trong đó: 178.019 triệu đồng từ nguồn tăng thu sử dụng đất và nguồn tiết kiệm chi vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh năm 2021 và 86.427 triệu đồng từ nguồn vốn điều chỉnh giảm một số dự án.

c. Bổ sung danh mục dự án và mức vốn Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương đối với Dự án Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk giai đoạn I (Hạng mục: San nền, kê chắn đất phân khu và tường rào bảo vệ trụ sở): 60.000 triệu đồng.

d. Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương: 834.987 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, thì tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết số: 52/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021; 22/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022; 52/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022; 55/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung và số liệu trong các phụ lục đính kèm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười hai thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH & ĐT;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Công TTĐT;
- Lưu: VT, CT HĐND.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hoà

Phụ lục I

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /NQ-HĐND ngày **03** /5/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao chi tiết tại các Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 và Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh		Giảm		Tăng		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
		Tổng nguồn vốn	Trong đó	Tổng nguồn vốn thực hiện	Trong đó	Tổng nguồn vốn thực hiện	Trong đó	Tổng nguồn vốn	Trong đó	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4+5+6)	3.376.223	3.376.223	989.471	989.471	989.471	989.471	3.376.223	3.376.223	-
1	Trung ương cấp vốn DIPT trong nước	950.555	950.555	563.297	563.297	563.297	563.297	950.555	950.555	-
1.1	Bổ trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang (sử dụng vốn trong nước)	487.406	487.406	107.148	107.148	-	-	380.258	380.258	Chi tiết tại Phụ lục II
1.2	Mở mới các dự án trong điểm của tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	463.149	463.149	456.149	456.149	-	-	7.000	7.000	Chi tiết tại Phụ lục III
1.3	Thông báo sau chưa phân bổ	-	-	-	-	563.297	563.297	563.297	563.297	
-	Thanh toán nợ đọng XD CB và bổ trí lại cho các dự án					63.397	63.397	63.397	63.397	Chi tiết tại Phụ lục IV
-	Bổ trí vốn cho các dự án tăng TMDT					4.660	4.660	4.660	4.660	Chi tiết tại Phụ lục V
-	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					495.240	495.240	495.240	495.240	
2	Thu tiền sử dụng đất	1.891.567	1.891.567	415.288	415.288	415.288	415.288	1.891.567	1.891.567	
2.1	Giao cấp tỉnh thực hiện	1.891.567	1.891.567	415.288	415.288	415.288	415.288	1.891.567	1.891.567	-
a	Bổ trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	761.067	761.067	20.387	20.387			761.047	761.047	Chi tiết tại Phụ lục II
b	Mở mới các dự án trong điểm của tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	214.000	214.000	212.226	212.226	-	-	1.774	1.774	Chi tiết tại Phụ lục III
c	Dự kiến bổ trí chi phí GPMB (Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1)	916.500	916.500	203.042	203.042	-	-	713.458	713.458	

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao chi tiết tại các Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 và Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh	Giảm				Tăng				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
			Tổng nguồn vốn	Trong đó		Tổng nguồn vốn	Trong đó		Tổng nguồn vốn	Trong đó					
				Cấp tỉnh thực hiện			Cấp tỉnh thực hiện			Cấp tỉnh thực hiện					
d	Thông báo sau chưa phân bổ							415.288	415.288		415.288				
-	Bổ trí vốn cho các dự án tăng TMĐT							86.427	86.427		86.427			Chi tiết tại Phụ lục V	
-	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							328.861	328.861		328.861				
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư	161.475	161.475	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	161.475	161.475	161.475	161.475	-	
-	Bổ trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	161.475	161.475	1.128	1.128					160.347	160.347	160.347	160.347	Chi tiết tại Phụ lục II	
-	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128		
4	Thu từ bán tài sản sở hữu Nhà nước	194.607	194.607	9.757	9.757	9.757	9.757	9.757	9.757	194.607	194.607	194.607	194.607		
	Bổ trí vốn cho các dự án chuyển tiếp	134.607	134.607	9.757	9.757					124.850	124.850	124.850	124.850		
	Dự kiến đầu tư dự án Đầu tư xây dựng trại tạm giam Công an tỉnh	60.000	60.000							60.000	60.000	60.000	60.000	Chi tiết tại Phụ lục VI	
-	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							9.757	9.757	9.757	9.757	9.757	9.757		
5	Nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi	178.019	178.019	-	-	-	-	-	-	178.019	178.019	178.019	178.019		
-	Bổ trí vốn cho các dự án tăng TMĐT	178.019	178.019							178.019	178.019	178.019	178.019	Chi tiết tại Phụ lục V	

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM GIAI ĐOẠN 2021- 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chức năng	Quyết định đầu tư										Kế hoạch giai đoạn 2021-2025										Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	THĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu từ đất	Trung ương cân đối vốn DTPT trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bán tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu từ đất	Trung ương cân đối vốn DTPT trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bán tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu từ đất	Trung ương cân đối vốn DTPT trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bán tài sản sở hữu nhà nước												
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh																												
	TỔNG CỘNG				2.446.927	1.504.113	570.657	10.248	487.406	4.534	68.469	118.054	20	107.148	1.128	9.757	477.473	10.228	380.258	3.406	58.712													
I	Quốc phòng				96.908	96.908	48.668				48.668	6.616				6.616	42.052				42.052													
1	Hệ thống nước sạch cho Tiểu đoàn 303/6584 BCH quân sự tỉnh	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2951/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	13.777	13.777	2.837				2.837	1.930				1.930	907				907	CT												
2	Trụ sở làm việc Công an 48 xã trong điểm phục vụ về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Toàn tỉnh	Công an tỉnh	3294/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.231	49.231	34.231				34.231	4.085				4.085	30.146				30.146	CT												
3	Đường hầm Sơ chỉ huy cơ bản tỉnh Đắk Lắk ST02-DL15	Cư Kujin	BCHQS tỉnh	703/QĐ-BTL 26/6/2018	33.900	33.900	11.600				11.600	601				601	10.999				10.999	CT												
II	Quản lý Nhà nước				28.945	28.945	11.918				11.918	1.494				1.494	10.424				10.424													
1	Trụ sở làm việc của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Cư Kujin	Cư Kujin	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kujin	1629/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.924	14.924	3.724				3.724	648				648	3.076				3.076	CT												
2	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	1840/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	14.021	14.021	8.194				8.194	846				846	7.348				7.348	CT												
III	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				83.224	83.224	4.534			4.534		1.128			1.128		3.406			3.406														
1	Đường vào trường PTTH DTNT Nơ Trang Long	TP. BMT	Trường PTDT NT Nơ Trang Long	80/QĐ-KHĐT 24/2010	2.944	2.944	344			344		344			344							HT												
2	Trường THPT và Văn Kiết, xã Ea Khat, huyện Ea H'leo (GD 2)	Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2949/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.000	35.000	960			960		472			472		488				488	CT												
3	Trường Trung học phổ thông Hùng Vương, huyện Krông Ana, hương mục: Nhà bếp học và phòng học bộ môn	Kr. Ana	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	2860/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/10/2018	9.015	9.015	193			193		17			17		176				176	CT												
4	Nhà rèn luyện thân thể và hạ tầng kỹ thuật thuộc Trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2927/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	20.706	20.706	173			173		32			32		141				141	CT												
5	Trường THPT Phan Đăng Lưu, huyện Krông Buk, Hương mục: Nhà đa chức năng	Kr. Buk	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Buk	3354/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện	5.600	5.600	2.179			2.179		161			161		2.018				2.018	CT												

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chức năng đầu tư	Quyết định đầu tư										Kế hoạch giải ngân 2021-2025										Kế hoạch giải ngân 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú
				TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu từ đất đai	Trung ương cấp đối với DTPT trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn ban tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn đầu tư xây dựng đất đai	Trung ương cấp đối với DTPT trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn ban tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu từ đất đai	Trung ương cấp đối với DTPT trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn ban tài sản sở hữu nhà nước														
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn sách tính																													
	Trường Trung cấp Sư phạm Mầm non Đắk Lắk (giai đoạn II); hàng mực: Nhà lắp học Mầm non, Trung cấp; Thư viện và Phòng làm việc thuộc Khối Mầm non	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3176/QĐ-UBND 30/10/2019	9.959	9.959	685				685			102				102	583			583				CT								
IV	Văn hóa, thông tin				46.361	46.361	9.526		9.526					1.100		1.100			8.426			8.426												
I	Xây dựng khu vực tương đương tại Bắc Hồ với các châu thổ nhỏ (Giai đoạn I)	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3236/QĐ-UBND 28/10/2016	46.361	46.361	9.526		9.526					1.100		1.100			8.426			8.426				CT								
V	Các hoạt động bình tế				2.151.193	1.208.379	487.128	10.248	476.880				106.046	20	106.026				405.952	10.228	370.854													
(I)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				368.615	223.863	89.001	899	88.102	-			37.500	20	37.479				51.501	879	50.623													
(II)	Các dự án hoàn thành, hạn chế, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020				1.869	1.869	899	899					20	20					879	879														
1	Kiến tạo hóa kênh N26 xã Ea Rôk, thuộc hệ thống Kênh chính Đồng, công trình thủy lợi Ea Súp thượng, huyện Ea Súp	Ea Súp	UBND H. Ea Súp	468/QĐ-KHBT, 27/8/2009; 89/QĐ-STC, 27/10/2019	1.869	1.869	899	899					20	20					879	879						QT								
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2021				366.746	221.994	88.102		88.102				37.479		37.479				50.623		50.623													
1	Khai hoang xây dựng cảnh đồng 132, xã Cư Ehang, huyện Ea Kar	Ea Kar	Ban QLDA ĐTXD H. Ea Kar	830/QĐ-UBND, 29/10/2018	14.000	14.000	2.000		2.000				12		12				1.988		1.988					CT								
2	Công trình thủy lợi Dray Sáp (Trạm bơm Buôn Kóp), xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Kr. Ana	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	289/QĐ-UBND 30/10/2018	33.451	33.451	16.451		16.451				74		74				16.377		16.377					CT								
3	Trạm bơm Đông sơn xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin	Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXD H. Cư Kuin	1778/QĐ-UBND, 31/10/2018	14.000	14.000	5.286		5.286				2.656		2.656				2.630		2.630					CT								
4	Nâng cấp, sửa chữa Hệ Buôn Jun 1, xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar	Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXD H. Cư M'gar	806/QĐ-UBND, 26/10/2018	13.900	12.144	1.144		1.144				10		10				1.134		1.134					CT								
5	Kênh tưới hồ Ea Rinh, xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar	Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXD H. Cư M'gar	807/QĐ-UBND, 26/10/2018	11.209	10.509	1.009		1.009				310		310				699		699					CT								
6	Nâng cấp công trình thủy lợi Thiên Đường, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn	B. Đôn	Ban QLDA ĐTXD H. Buôn Đôn	1061/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.986	9.986	6.823		6.823				77		77				6.746		6.746					CT								
7	Hồ Ea Klar, xã Cư Mốt huyện Ea Hlêo	Ea Hlêo	Ban QLDA ĐTXD H. Ea Hlêo	1459/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.998	14.998	7.998		7.998				418		418				7.580		7.580					CT								
8	Trạm bơm điện suất Cút xã Đắk Liêng, huyện Lắk	Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2955/QĐ-UBND, 30/10/2019	12.000	12.000	7.000		7.000				335		335				6.665		6.665					CT								
9	Bổ trí dân cư tại các tiểu khu 249, 265 và 271 thuộc Công ty Lâm nghiệp Chư Ma Lành, huyện Ea Súp	Ea Súp	UBND H. Ea Súp	2147/QĐ-UBND 14/8/2009; 1476/QĐ-UBND 09/7/2012	58.202	17.406	5.054		5.054				500		500				4.554		4.554					CT								
10	Xây dựng vùng dân di cư do khu vực Ea Krông, xã Cư San, huyện M'Drak	M'Drak	UBND H. M'Drak	487/QĐ-UBND, 07/2/2014	145.000	43.500	337		337				98		98				239		239					CT								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư										Kế hoạch giải ngân 2021-2025										Kế hoạch giải ngân 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				TMBYT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu đầu tư dự án đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bản tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu đầu tư dự án đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bản tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu đầu tư dự án đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bản tài sản sở hữu nhà nước																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư										Kế hoạch giải đoạn 2021-2025										Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Nguồn vốn bản tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Nguồn vốn bản tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Nguồn vốn bản tài sản sở hữu nhà nước										
2	Mở rộng, nâng cấp đường Y Nguyễn, đoạn từ đường Mai Xuân Thường đến tỉnh lộ 1	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP BMT	450/QĐ-KHBT 10/2/2016, 268/QĐ-UBND, 279/2017, 118/QĐ-UBND, 265/2020	42.145	25.353	2.453				2.453		1.200		1.200		1.253		1.253										CT	
3	Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ km0+km0+431 (đường Tổ Hưu), thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	256/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, 174/QĐ-UBND, 046/2020	95.703	95.703	30.703				30.703		4.905		4.905		25.798		25.798											CT
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Diăng, Ea Khôl, Ea Wý, Cư Anung, huyện Ea H'leo	Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	289/QĐ-UBND, 30/10/2018	25.000	25.000	3.000				3.000		323		323		2.677		2.677											CT
5	Đường giao thông trục chính trung tâm thị trấn Krông Búk	Kr. Búk	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	294/QĐ-UBND, 31/10/2018, 130/QĐ-UBND 05/01/2021	42.700	42.700	19.700				16.200		3.276		3.276		16.424	3.500	12.924											CT
6	Đường GT xã Hoà Thành (từ xã Hòa Tân đi trung tâm xã Hòa Thành), huyện Krông Bông, giai đoạn 2 (tỷ trình: Km0+00-Km5+251)	Kr. Bông	Ban QLDA ĐTXD H. Kr. Bông	2201/QĐ-UBND, 30/10/2018, 244/QĐ-UBND, 09/9/2021	15.516	15.516	6.156				6.156		36		36		6.120		6.120											CT
7	Cải tạo, nâng cấp và kéo dài Tỉnh lộ 7	Lắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	289/QĐ-UBND, 30/10/2018	70.000	70.000	30.000				30.000		2.441		2.441		27.559		27.559											CT
8	Xây dựng các tuyến đường kết nối của 09 cầu treo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	289/QĐ-UBND, 30/10/2018	24.827	24.827	4.827				4.827		555		555		4.272		4.272											CT
9	Đường Chu Văn An và đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Buôn Triáp huyện Krông Ana	Kr. Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	296/QĐ-UBND, 31/10/2018	20.000	20.000	9.800				9.800		860		860		8.940		8.940											CT
10	Đường dẫn từ đường Phạm Hùng vào trụ sở Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 4, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP BMT	793/QĐ-UBND, 28/10/2019	2.800	2.800	300				300		56		56		244		244											CT
11	Đường Nguyễn Hữu Thọ nối từ đường Nguyễn Chí Thanh đến hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD ĐTXD TP BMT	802/QĐ-UBND, 30/10/2019	12.000	7.200	3.600				3.600		810		810		2.790		2.790											CT
12	Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	744/QĐ-UBND, 08/4/2020	14.175	14.175	11.175				11.175		6.430		6.430		4.745		4.745											CT
13	Đường giao thông liên xã Ea Nuôi, huyện Buôn Đôn đi xã Hòa Xuân, TP Buôn Ma Thuột	B. Đôn	Ban QLDA ĐTXD H. Buôn Đôn	305/QĐ-UBND, 31/10/2019	10.000	10.000	6.861				6.861		132		132		6.729		6.729											QT
14	Đường Hùng Vương (Đoạn từ đường Nguyễn Công Tư đến đường Nguyễn Văn Cừ), TP Buôn Ma Thuột - Giai đoạn 1	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD TP BMT	3182/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	102.754	46.239	26.239				26.239		10.768		10.768		26.239		15.471											CT

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư										Kế hoạch giải ngân 2021-2025										Kế hoạch giải ngân 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú								
				TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu được đất	Trung ương cần đối vốn DTP trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bán tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu được đất	Trung ương cần đối vốn DTP trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bán tài sản sở hữu nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu được đất	Trung ương cần đối vốn DTP trong nước	Nguồn vốn XSKT	Nguồn vốn bán tài sản sở hữu nhà nước											
				Số quyết định, nghị, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh																												
15	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 12, đoạn Km0 - Km13+869	Kr. Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3000/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2465/QĐ-UBND, 14/10/2020	88.076	88.076	47.076		47.076					2.537		2.537			44.539		44.539											CT		
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021				319.912	319.912	165.055	5.849	159.206					27.815		27.815			151.181	5.849	131.391													
1	Đường giao thông đến làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp	Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2896/QĐ-UBND, 30/10/2018; 3065/QĐ-UBND 21/10/2019	73.938	73.938	17.667		17.667					1.207		1.207			16.460		16.460												CT	
2	Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rẻ, huyện Ea Súp (đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rẻ)	Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2185/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	45.668	45.668	35.668		35.668					1.494		1.494			34.174		34.174												CT	
3	Xây dựng mới cầu Cây Sung (Km78+400), cầu Tằng (Km79+700) và đoạn tuyến kết nối giữa hai cầu thuộc Tỉnh lộ 1	Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3169/QĐ-UBND, 30/10/2019	88.715	88.715	58.715		58.715					11.173		11.173			47.542		47.542												CT	
4	Đường Hùng Vương nối dài (đoạn từ đường Kim Đồng, thị trấn Quảng Phú đến xã Ea Kpam), huyện Cư M'gar	Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXD CT ĐD&CN tỉnh	291/QĐ-UBND, 13/02/2020	111.591	111.591	53.005	5.849	47.156					13.941		13.941			53.005	5.849	33.215												CT	
(1)	Cấp nước, thoát nước				36.659	27.494	10.500		10.500					3.598		3.598			6.902		6.902													CT
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2021				36.659	27.494	10.500		10.500					3.598		3.598			6.902		6.902													
1	Hệ thống thoát nước khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin	Cư Kuin	UBND H. Cư Kuin	2219/QĐ-UBND, 27/7/2016; 2995/QĐ-UBND, 19/10/2019	36.659	27.494	10.500		10.500					3.598		3.598			6.902		6.902													CT
VI	Khoa học và công nghệ				18.000	18.000	1.000		1.000					22		22			978		978													
1	Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 2)	TP. BMT	Sở TT&TT	3195/QĐ-UBND 31/10/2019	18.000	18.000	1.000		1.000					22		22			978		978													CT
VII	Lĩnh vực phát triển thanh niên				22.296	22.296	7.883							7.883					6.236		6.236													
1	Bài Truyền thanh - Truyền hình huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Kr. Búk	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	3355/QĐ-UBND 30/10/2019 của UBND huyện	14.950	14.950	7.237							1.601					5.636		5.636													CT
2	Cải tạo, nâng cấp Bài truyền thanh - Truyền hình huyện Lắk	Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2691/QĐ-UBND huyện 04/10/2019	7.346	7.346	646							46					600		600													CT

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Nghị quyết phê duyệt chủ trương/Quyết định đầu tư		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025						Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú		
				Số nghị quyết; ngày, tháng, năm ban hành	phê duyệt		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025				Giảm		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			
					phê duyệt		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025				Giảm		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			
					Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	Trung ương cân đối vốn DTPY trong nước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất
1	2	3		6												
	TỔNG CỘNG			902.365	677.149	677.149	214.000	463.149	668.375	212.226	456.149	8.774	1.774	7.000		
I	Giao thông			180.000	180.000	180.000	180.000	-	180.000	180.000	-	-	-	-		
1	Trục đường số 14 thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị mới đồi thùy văn (đoạn từ cuối đường Anna Khê đến đường Đông Tây), thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA DTXD CT DD và CN tỉnh Đắk Lắk	08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	180.000	180.000	180.000	-	180.000	180.000	-	-	-	-		
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				522.365	328.000	328.000	21.000	307.000	319.635	19.635	300.000	8.365	1.365	7.000	
1	Hồ chứa nước Ea Khit, xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin	Xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin	Ban QLDA DTXD CT GT và NN PTNT tỉnh	08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	100.000	4.000	4.000	4.000	-	2.635	2.635	-	1.365	1.365		
2	Dự án di dân khẩn cấp vùng lũ ông, lũ quét sạt lở đất cụm dân cư lưu vực xã lù hồ Ea Súp hạ, thị trấn Ea Súp	Thôn 3,4,5,6,7 thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	Ban QLDA DTXD CT DD và CN tỉnh	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	102.365	4.000	4.000	4.000	-	4.000	4.000	-	-	-		
3	Hệ thống thủy lợi huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Buôn Đôn	Ban QLDA DTXD CT DD và CN tỉnh	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021	320.000	320.000	320.000	13.000	307.000	313.000	13.000	300.000	7.000	-	7.000	
III	Cấp nước, thoát nước				90.000	90.000	90.000	4.000	86.000	89.591	3.591	86.000	409	409		
1	Hệ thống cấp nước liên xã Cư Krôa, xã Cư Mta, xã Krông Jing và thị trấn MĐrăk, huyện MĐrăk	3 xã: Cư Krôa, Cư Mta, Krông Jing và thị trấn MĐrăk	Ban QLDA DTXD CT DD và CN tỉnh	08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	90.000	90.000	90.000	4.000	86.000	89.591	3.591	86.000	409	409		
IV	Văn hóa Thông tin				110.000	79.149	79.149	9.000	70.149	79.149	9.000	70.149	-	-		
1	Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 2)	TP. BMT	Ban QLDA DTXD CT DD và CN tỉnh	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021	110.000	79.149	79.149	9.000	70.149	79.149	9.000	70.149	-	-		

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020
BỔ SUNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025
*(Kèm theo Nghị quyết số **07** /NQ-HĐND ngày **03**/5/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chức năng đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh				
	Tổng cộng				748.899	406.658	63.397	63.397		
A	Dự án không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				342.476	79.400	23.031	23.031		
I	Các dự án sử dụng vốn dự phòng NSTW năm 2021				67.991	-	14.814	14.814		
1	Cầu thôn 5, xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	Kr. Pắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr. Pắc	223/QĐ-SGTVT, ngày 24/3/2021	14.800		4.194	4.194		
2	Cầu thôn 9 xã Cư Krôa đi xã Ea M'Doal Huyện M'Drăk	M'Drăk	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr. M'Drăk	221/QĐ-SGTVT, ngày 24/3/2021	29.500		2.875	2.875		
3	Cầu BTCT qua suối Ea Bar thuộc đường liên xã Cư Pui đi xã Cư Đrăm H. Krông Bông	Kr. Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr. Bông	222/QĐ-SGTVT, ngày 24/3/2021	8.191		2.049	2.049		
4	Sửa chữa Đê bao Quảng Điền, huyện Krông Ana	Kr. Ana	Ban QLDA ĐTXD huyện Kr. Ana	299/QĐ-SNN, ngày 25/3/2021	15.500		5.696	5.696		
II	Các dự án khác				274.485	79.400	8.217	8.217		
1	Xã Ea Sô (Ea Sar cũ), huyện Ea Kar	Ea Kar	UBND H. Ea Kar	2130/QĐ-UBND 12/8/2009, 3906/QĐ-UBND, 29/12/2016	75.215		2.444	2.444		
2	Đường GT từ xã Ea H'leo (Km613 - Quốc lộ 14) nối đường biên giới Tây bắc, huyện Ea Súp (GD 2)	Ea H'leo-Ea Súp	UBND H. Ea H'leo	819/QĐ-UBND ngày 07/4/2015, 2577/QĐ-UBND 31/10/2015	108.554	20.554	426	426		
3	Đường giao thông liên xã Xuân Phú - Ea Sô, huyện Ea Kar	Ea Kar	UBND H. Ea Kar	2844/QĐ-UBND 26/10/2015	31.156		1.244	1.244		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương cân đối vốn ĐTP trong nước		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh					
4	Điều chỉnh, mở rộng DA QH, sắp xếp, ổn định DDCTD vùng Ea Lang, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Kr. Bông	UBND H. Kr. Bông	2283/QĐ-UBND, 5/10/2012				0	0		
	Trường THCS Cư Pui II và Trường mẫu giáo Cư Pui, thuộc Dự án điều chỉnh mở rộng dự án quy hoạch sắp xếp, ổn định dân di cư từ do vùng Ea Lang (gồm cả điểm dân di cư từ do Ea Bar, Ea Dôh), xã Cư Pui, huyện Krông Bông			1656/QĐ-UBND, 24/7/2020	10.783	10.069	1.761	1.761			
5	Trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Buôn Hồ	B. Hồ	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3127/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	9.604	9.604	2.196	2.196			
6	Trụ sở làm việc Sở Xây dựng	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và CN tỉnh	3183/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	39.173	39.173	146	146			
II	Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				406.423	327.258	40.366	40.366			
1	Đầu tư xây dựng Cầu Cư Păm (Km21+050), Tỉnh lộ 9, huyện Krông Bông	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT GT và NNPTNT	597/QĐ-UBND, 20/3/2019	80.000	10.000	262	262			
2	Hệ thống thoát nước khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin	Cư Kuin	UBND H. Cư Kuin	2212/QĐ-UBND, 27/11/2016; 2995/QĐ-UBND, 15/10/2019	36.659	27.494	3.924	3.924			
3	Trạm bơm Đông sơn xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin	Cư Kuin	UBND H. Cư Kuin	1778/QĐ-UBND, 31/10/2018	14.000	14.000	7.516	7.516			
4	Đường giao thông trục chính trung tâm Ng6 huyện Krông Búk	Kr. Búk	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN tỉnh	2942/QĐ-UBND, 31/10/2018; 13/QĐ-UBND 05/01/2021	42.700	42.700	3.276	3.276			
5	Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN tỉnh	744/QĐ-UBND, 08/4/2020	14.175	14.175	6.430	6.430			
6	Đường Hùng Vương nối dài (đoạn từ đường Kim Đồng, thị trấn Quảng Phú đến xã Ea Kpam), huyện Cư Mgar	Cư Mgar	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN tỉnh	291/QĐ-UBND, 13/02/2020	111.591	111.591	13.941	13.941			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương cân đối vốn ĐTPY trong nước	
7	Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ km0+431 (đường Tô Hữu), thành phố Buôn Ma Thuột	TP.BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN tỉnh	2961/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1743/QĐ-UBND, 04/8/2020	95.703		95.703	3.926	3.926	
8	Hệ thống cấp nước sạch khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú	TP.BMT	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN tỉnh	3179/QĐ-UBND, 30/10/2019	11.595		11.595	1.091	1.091	

Phụ lục V

DANH MỤC DỰ ÁN TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH TĂNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /NQ-HĐND ngày **03/5/2024** của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng																
STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư ban đầu		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025				Tổng mức đầu tư ban đầu dự kiến điều chỉnh		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh				Ghi chú	
			Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NST	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NST	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:					
						Nguồn thu tiền sử dụng đất	Thu tiền bán tài sản sở hữu nhà nước				Nguồn thu tiền sử dụng đất	Thu tiền bán tài sản sở hữu nhà nước	Trung ương cân đối vốn ĐTPY trong nước	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi		
	TỔNG CỘNG		341.500	341.500	99.170	22.486	76.684	472.660	472.660	305.106	108.913	13.514	4.660	178.019		
1	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk	TP.BMT	36.000	36.000	36.000	22.486	13.514	40.660	40.660	40.660	22.486	13.514	4.660			
2	Xây dựng hồ chứa nước Yên Ngựa	Cư Kuin	305.500	305.500	63.170		63.170	432.000	432.000	264.446	86.427			178.019		

Phụ lục VI

DANH MỤC DỰ ÁN MỞ MỚI BỒ SÙNG VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /NQ-HĐND ngày **03** /5/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nghị quyết phê duyệt				Giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số Nghị quyết, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Thu tiền bán tài sản sở hữu nhà nước			
				Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:					
				60.000	60.000	60.000	60.000			
	TỔNG CỘNG			60.000	60.000	60.000	60.000			
1	Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk giai đoạn I (Hạng mục: San nền, kê chắn đất phân khu và tường rào bảo vệ trụ sở),	Cư M'gar		60.000	60.000	60.000	60.000			

